

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018 /HNGĐ-ST

Ngày: 31/01/2018

V/v : “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Khánh - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hồ

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký phiên tòa : Bà Phạm Thị Thi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa : Ông Huỳnh Thanh Nhã – Kiểm sát viên;

Trong các ngày 30 và 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre - tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 487/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 07/2018/QĐXX-ST, ngày 08/01/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1985, địa chỉ: 533C2, Khu Phố 3, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre , địa chỉ tạm trú : 569, Khu Phố 1, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre;

2.Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1979, địa chỉ: 533C2, Khu Phố 3, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn : Ông Trương Văn T - Luật sư, Trưởng Văn phòng Luật sư Trương Văn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày :

Bà và ông Đặng Văn T thành hôn vào năm 2004, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/6/2004 . Sau khi thành hôn vợ chồng sinh sống tại phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Thị Anh T, sinh ngày 11/9/2006 , hiện tại con chung đang sống với bà.

Đến tháng 8/2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T thường ghen tuông vô cớ, không tin tưởng nên hai vợ chồng thường

xuyên cứa cãi nhau. Bà T và ông T đã ly thân được hơn 02 tháng . Trong thời gian ly thân bà T đã ở nhà trọ từ tháng 11/2017 tại phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Ông T có đến nhà trọ 02 lần để đưa rước con nhưng ông không có hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay, bà xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên bà có đơn khởi kiện xin ly hôn với yêu cầu như sau:

Về hôn nhân : Bà Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với ông Đặng Văn T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Đặng Thị Anh T, sinh ngày 11/9/2006, bà T yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con trưởng thành. Tại phiên toà bà T thay đổi yêu cầu, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà T và ông T có 02 chiếc xe gồm : xe Future biển số 71B1-342.01, giá trị còn lại khoảng 25.000.000đ và chiếc xe Dream biển số 71F9-0746, trị giá khoảng 5.000.000đ, hai chiếc xe máy do anh T đứng tên. Bà T yêu cầu chia đôi tài sản. Ông T nhận chiếc Future biển số 71B1-342.01, bà T nhận chiếc xe Dream, biển số 71F9-0746. Ông T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch cho bà T là 10.000.000đ.

Căn nhà cấp 4, địa chỉ 533C2, Khu Phố 3, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre, trị giá khoảng 100.000.000đ, phần đất diện tích 125,3m² thuộc thửa 422, tờ bản đồ số 34, địa chỉ phường K, trị giá khoảng 200.000.000đ. Bà T yêu cầu nhận nhà và đất để sinh sống và nuôi con đồng thời hoàn trả phân nửa giá trị nhà và đất là 150.000.000đ cho ông T. Tại phiên toà, bà T xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung gồm hai chiếc xe máy và nhà, đất để bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Quá trình tố tụng, đối với bị đơn là ông Đặng Văn T trình bày :

Ông hoàn toàn không chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà T vì từ trước đến nay ông vẫn thương vợ thương con không làm việc gì xúc phạm gây phiền hà đến vợ, ông vẫn lo cho con đầy đủ. Ông T mong bà T cho ông cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Thị Anh T, sinh ngày 11/9/2006, ông đồng ý để bà T nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư ông Trương Văn T trình bày những căn cứ lập luận như sau :

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị T chưa đến mức trầm trọng, vợ chồng có thể hàn gắn tình cảm. Do vợ chồng không quan tâm sâu sắc, đây là do tính tình anh T và một phần của chị T. Xin Hội đồng xét xử xem xét con cái giao cho chị T có hạn chế cho việc thăm con của anh T. Việc Hội đồng xét xử khuyên anh T, chị T hàn gắn tình cảm là cần thiết. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, vì anh T còn yêu thương chị T và để cho anh T có cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Tại phiên toà việc tuân theo pháp luật tố tụng : Hội đồng xét xử , thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án; Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị T và anh T trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T(nay là thành phố T) vào năm 2004. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc.

Theo chị T nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống và liên quan đến mẹ chồng, anh T thường xuyên kiểm chuyện thậm chí đánh cả chị, ghen tuông vô cớ. Chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Theo anh T giữa hai vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì, anh vẫn còn thương vợ, thương con. Anh mong chị T cho cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên toà hôm nay nhận thấy giữa hai vợ chồng chỉ do ghen tuông, ngoài ra không mâu thuẫn nào khác đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 04/01/2018, ông Nguyễn Lê P, Trưởng Khu Phố 3, phường K trình bày địa phương không có nhận thông tin gì về việc bà T và ông T có xảy ra mâu thuẫn, hoàn cảnh gia đình địa phương không rõ. Vấn đề này cần được xác minh làm rõ thêm nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Đặng Thị Anh T, sinh ngày 11/9/2006. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ đến khi con tròn 18 tuổi. Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 03/01/2018, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên được ghi nhận.

Tại biên bản hỏi ý kiến con trên 07 tuổi, cháu T có nguyện vọng được sống với chị T. Do đó, cần thiết giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Nợ chung : không có nên không xem xét giải quyết.

Đề nghị tạm ngừng phiên toà xác minh, thu thập thêm chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng đến mức trầm trọng mới có căn cứ giải quyết cho ly hôn hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn với ông Đặng Văn T nên xác định đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, về việc tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2] Với chứng cứ và các tài liệu bà Nguyễn Thị Kim T cung cấp cho Tòa án để chứng minh ông bà đã đăng ký kết hôn vào ngày 04/6/2004, chứng cứ này là có căn cứ nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày quá trình chung sống của vợ chồng cho đến tháng 9/2017 thì không còn hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách xử sự không đúng mức của ông T và bà đã sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay, giữa bà với ông Đặng Văn T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn với ông T. Đối với ông T, ông không đồng ý ly hôn với bà T vì còn thương vợ, con và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà T, ông T không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là phù hợp tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Đặng Văn T.

- Quan hệ nuôi con chung : Có 01 con chung tên Đặng Thị Anh T, sinh ngày 11/9/2006, bà T yêu cầu được nuôi con chung, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T tại biên bản hỏi ý kiến con ngày 11/12/2017(BL.23) và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông T, ông đồng ý để bà T nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bà T và ông T về việc bà T được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Thị Anh T, sinh ngày 11/9/2006.

- Quan hệ chia tài sản chung : Tại phiên toà, bà T xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung gồm hai chiếc xe máy và nhà, đất để bà và ông T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy trước khi mở phiên toà, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/12/2017 và tại phiên Toà bà T vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu chia tài sản, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản.

- Quan hệ nợ chung : Bà T và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận .

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre về giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà để xác minh, thu thập thêm chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng đến mức trầm trọng mới có căn cứ giải quyết cho ly hôn hay không. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tạm ngừng phiên toà là không cần thiết nên không chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch, bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại Phần II mục 1.1 Danh mục Án phí, Lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0013939, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre trả lại 3.750.000đ (Ba triệu, bảy trăm năm chục ngàn) đồng về khoản tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Kim T theo biên lai thu số 0013940, ngày 16/11/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 , 58, 81, 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử :

1) Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đặng Văn T.

2) Về nuôi con chung: có một con chung tên Đặng Thị Anh T, sinh ngày 11/9/2006, bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi con .

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bà Nguyễn Thị Kim T và ông Đặng Văn T về người trực tiếp nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Văn T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết các bên đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Kim T.

4) Về nợ chung: Không có.

5) Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch, bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại Phần II mục 1.1 Danh mục Án phí, Lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0013939, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre trả lại 3.750.000đ (Ba triệu, bảy trăm năm chục ngàn) đồng về khoản tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Kim T theo biên lai thu số 0013940, ngày 16/11/2017.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND. thành phố. Bến Tre;
- TAND. tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS. thành phố Bến Tre;
- UBND p. P, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Khánh